TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** ----------***----------
Số: 20 /2023/QĐST-KDTM	*Long Biên, ngày 31 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 03/2023/TLST-KDTM ngày 11 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số *** đường T, phường L, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Tuấn A – Cán bộ Ngân hàng (*Theo giấy ủy quyền số ** ngày 20/6/2023 của Ngân hàng A chi nhánh H*).

Bị đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ: Lô ** Khu Công nghiệp H, số *** đường N, phường P, quận L, H

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn N – Giám đốc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH C

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn N – Giám đốc

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A và Công ty TNHH B xác nhận: Ngân hàng A có cấp tín dụng cho Công ty B theo các hợp đồng cho vay như sau:

1.1 Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCBHN-INDECO ngày 07/05/2018.

+ Hạn mức cho vay: 35.000.000.000 VNĐ;

+ Số nợ gốc mà Công ty chưa trả tại Hợp đồng này là: 6.260.293.406 VNĐ;

+ Trong thời hạn rút vốn theo Hợp đồng tín dụng, Công ty B rút vốn trong tổng cộng 118 giấy nhận nợ (từ Giấy nhận nợ số 1 ngày 08/05/2018 đến Giấy nhận nợ số 118 ngày 06/09/2019). Số tiền, mục đích vay vốn theo từng giấy nhận nợ đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng.

+ Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty B đã trả nợ đúng cam kết theo lịch trả nợ đến hết tháng 08/2018. Tuy nhiên, đến tháng 09/2018, Công ty B đã vi phạm cam kết trả nợ. Kể từ đó, Công ty B lần lượt quá hạn cả gốc và lãi tại Ngân hàng A chi nhánh H. Tình trạng quá hạn nợ của Công ty B tiếp tục kéo dài cho đến nay. Khoản vay lần lượt bị chuyển nợ nhóm 2, 3, 4 và chuyển nợ nhóm 5 (nợ xấu) vào tháng 01/2021.

2. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/16/HDTD/TDH/INDECO ngày 05/07/2016

+ Số tiền cho vay theo hợp đồng: 2.300.000.000 VNĐ;

+ Mục đích: đầu tư 01 Xe ô tô Audi Q7 model 2016

+ Số nợ gốc mà Công ty còn nợ tại Hợp đồng này là: 690.000.000 VNĐ;

+ Công ty B rút vốn 01 lần theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 05/07/2016, số tiền nhận nợ là 2.300.000.000 VNĐ.

+ Khoản vay lần lượt bị chuyển nợ nhóm 2, 3, 4 và chuyển nợ nhóm 5 (nợ xấu) vào tháng 01/2021.

3. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 02/16/HDTD/TDH/INDECO ngày 30/09/2016

+ Số tiền cho vay theo hợp đồng: 2.750.000.000 VNĐ;

+ Mục đích: Thanh toán tiền mua máy trấn thủy lực Model Xpert 150/3100 theo Hợp đồng bán hàng số ORD-12456-N2B1W9 ngày 07/07/2016.

+ Số nợ gốc mà Công ty còn nợ tại Hợp đồng này là: 1.036.063.484 VNĐ;

+ Công ty B rút vốn 01 lần theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 22/05/2017, số tiền nhận nợ là 2.036.063.484 VNĐ.

+ Khoản vay lần lượt bị chuyển nợ nhóm 2, 3, 4 và chuyển nợ nhóm 5 (nợ xấu) vào tháng 01/2021.

4. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/2017/DADT/0026707488 ngày 10/07/2017

+ Số tiền cho vay theo hợp đồng: 7.575.000.000 VNĐ;

+ Mục đích Thanh toán LC nhằm mục đích mua các loại máy theo Hợp đồng 2016/INDECO-TRUMPF/01 ngày 08/09/2016, 01-1016/SIV-INDECO ngày 17/10/2016, IRC/17/0007/R2 ngày 07/06/2017, 25.05/2017/NTT-INDECO ngày 25/05/2017, AT-INDECO-117 ngày 31/05/2017.

+ Số nợ gốc mà Công ty còn nợ tại Hợp đồng này là: 5.689.134.091 VNĐ;

+ Công ty B rút vốn 04 lần theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/12/2017 đến Giấy nhận nợ số 04 ngày 24/08/2018, số tiền nhận nợ là 6.477.538.741 VNĐ.

+ Khoản vay lần lượt bị chuyển nợ nhóm 2, 3, 4 và chuyển nợ nhóm 5 (nợ xấu) vào tháng 01/2021.

2.2. Về tài sản thế chấp:

Tại thời điểm hiện tại, các tài sản thế chấp của Công ty B tại Ngân hàng A chi nhánh H gồm:

2.2.1 Thế chấp Máy đột Trupunch2000, Máy gia công đồng thanh cái, Máy phun gioăng tự động, Máy phát điện, Bàn nâng và quay tủ điện, lò sấy khô theo hợp đồng thế chấp số 05/2017/HDTC/0026707488 ngày 30/06/2017. Tình trạng tài sản bảo đảm hiện nay: Đang để sản xuất kinh doanh, Ngân hàng A chi nhánh H đang giữ hồ sơ bản gốc. Giá trị tài sản theo biên bản định giá lại ngày 28/05/2019 là: 9.404.000.000 VNĐ.

2.2.2. Thế chấp 01 Máy gấp kim loại điều khiển, 01 Máy xén kim loại điều khiển, 01 Máy trấn thủy lực theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/16TC/VCBHN-INDECO ngày 30/09/2016. Tình trạng tài sản bảo đảm hiện nay: Đang để sản xuất kinh doanh, Ngân hàng A chi nhánh H đang giữ hồ sơ bản gốc. Giá trị tài sản theo biên bản định giá lại ngày 28/05/2019 là: 2.256.000.000 VNĐ.

2.2.3. Thế chấp Hệ thống Robot IRB 1520ID theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/14/MMTB/VCBHN-INDECO ngày 28/02/2014. Tình trạng tài sản bảo đảm hiện nay: Đang để sản xuất kinh doanh, Ngân hàng A chi nhánh H đang giữ hồ sơ bản gốc. Giá trị tài sản theo biên bản định giá lại ngày 31/10/2019 là: 534.000.000 VNĐ.

2.2.4. Thế chấp phần vốn góp trong CÔNG TY TNHH C, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0900915176 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh H cấp, đăng ký lần đầu ngày 02/02/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 30/12/2016, có địa chỉ đăng ký tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh H có tổng giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn là 26.575.000.000 VND, chiếm 66% vốn điều lệ. Tình trạng tài sản bảo đảm hiện nay: Ngân hàng A chi nhánh H đang giữ hồ sơ bản gốc

Toàn bộ các tài sản trên được thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty B (cả nợ gốc và nợ lãi) phát sinh theo hợp đồng tín dụng ký giữa Công ty B và Ngân hàng A chi nhánh H.

Tính đến hết ngày 16/07/2023, tổng dư nợ gốc và lãi tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) của Công ty B tại Ngân hàng A chi nhánh H là: 19.245.705.034 VNĐ (*Mười chín tỉ hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm linh năm nghìn không trăm ba mươi tư đồng*), trong đó:

+Nợ gốc: 13.675.490.981 VNĐ;

+Nợ lãi là: 5.570.214.053 VNĐ, gồm: nợ lãi trong hạn: 4.623.944.760 VNĐ; nợ lãi quá hạn: 946.269.293 VNĐ.

Công ty B đã không trả đủ nợ lãi từ tháng 08/2020 đến nay. Tổng dư nợ gốc và lãi của công ty tiếp tục tặng do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh.

2. Tuyên buộc Công ty B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Công ty B trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A.

3. Tuyên nếu Công ty B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty B theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng A và Công ty B thống nhất lộ trình thanh toán như sau:

- Đợt 1: 25/07/2023 thanh toán số tiền 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng)*

- Đợt 2: 30/10/2023 thanh toán số tiền 1.850.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)*

- Đợt 3: 30/12/2023 thanh toán số tiền 1.850.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)*

- Đợt 4: 28/02/2024 thanh toán số tiền 1.850.000.000 đồng *(Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)*

- Đợt 5: 30/4/2024 thanh toán số tiền 6.837.745.491 đồng *(Sáu tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm chín mươi mốt đồng)*

- Đợt 6: 30/06/2023 tất toán nốt số tiền còn lại

Trong trường hợp Công ty B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ của một kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty B theo các Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Đối với một số máy móc là tài sản thế chấp tại thời điểm Toà án xem xét thẩm định tại chỗ không giữ nguyên trạng, Ngân hàng đồng ý với số tài sản thế chấp còn đến thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, không có ý kiến thắc mắc gì.

Trong trường hợp Công ty B thực hiện đúng lộ trình trả nợ công ty B đề nghị Ngân hàng sẽ xem xét việc miễn giảm lãi cho Công ty để giúp Công ty vượt qua khó khăn.

Công ty B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày thực tế Công ty B trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng A .

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A chi nhánh H thông qua Ngân hàng A chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.5.Về án phí:

- Ngân hàng Ngân hàng A chịu **31.811.426đ** (*Ba mươi mốt triệu tám trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*) án phí KDTM sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 62.684.000đ (*Sáu mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng*) Ngân hàng A đã nộp tại biên lai số 0065621 ngày 04/01/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân

sự quận Long Biên. Nay Ngân hàng được trả lại số tiền số tiền **30.872.574 đồng** *(Ba mươi triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng)* .

- Công ty B phải chịu **31.811.426đ** (*Ba mươi mốt triệu tám trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng*) án phí KDTM sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- VKS quận Long Biên;
- Chi cục THADS Q.Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Thẩm phán

Lý Thị Tường Nga